

THÔNG BÁO

Về việc bán phế liệu thu hồi từ thanh lý tài sản là công cụ dụng cụ tại Bệnh viện ĐKKV Bắc Quảng Trị năm 2026 (lần 2)

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 64/2020/QH14, Luật số 07/2022/QH15, Luật số 24/2023/QH15, Luật số 31/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15, Luật số 56/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định 186/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Quyết định số 273/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 của UBND Tỉnh Quảng Trị về việc thành lập, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Y tế Quảng Trị;

Căn cứ Quyết định số 1871/QĐ-UBND ngày 06/10/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Bệnh viện đa khoa khu vực Bắc Quảng Trị;

Căn cứ Quyết định số 667/QĐ-BV ngày 15/10/2026 về việc Điều chỉnh giá bán phế liệu thu hồi từ thanh lý tài sản là công cụ dụng cụ tại Bệnh viện ĐKKV Bắc Quảng Trị năm 2026;

Bệnh viện ĐKKV Bắc Quảng Trị xin thông báo công khai bán phế liệu thu hồi từ thanh lý tài sản là công cụ dụng cụ để các tổ chức, cá nhân có nhu cầu mua, cụ thể như sau:

1. Thông tin đơn vị tổ chức bán

- Tên đơn vị: Bệnh viện ĐKKV Bắc Quảng Trị

- Địa chỉ: phường Bắc Gianh, tỉnh Quảng Trị

2. Tên, số lượng phế liệu: Có danh mục chi tiết kèm theo (Phụ lục 1)

3. Thời gian, địa điểm

- Thời gian bán: Từ ngày 16/10/2026 đến ngày 22/10 /2026 (theo giờ hành chính)

- Địa điểm: Bệnh viện ĐKKV Bắc Quảng Trị, Địa chỉ: phường Bắc Gianh, tỉnh Quảng Trị

4. Hình thức bán: Bán thanh lý theo hình thức chỉ định theo quy định tại Điều 27 Nghị định 186/2025/NĐ-CP ngày 01/07/2025. Thực hiện bán cho người đầu tiên nộp văn bản đề nghị mua tài sản.

5. Quy định người không được tham gia mua tài sản: Căn cứ Điều 27 Nghị định 186/2025/NĐ-CP ngày 01/07/2025 của Chính phủ quy định những người sau đây không được mua tài sản công theo hình thức chỉ định giá:

a) Người không có năng lực hành vi dân sự, người bị mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi hoặc tại thời điểm đăng ký mua tài sản không nhận thức, làm chủ được hành vi của mình.

b) Người có thẩm quyền quyết định bán tài sản; Người trực tiếp giám định, đánh giá lại giá trị tài sản.

c) Cha, mẹ, vợ, chồng, con, anh ruột, chị ruột, em ruột của người quy định tại điểm b khoản này.

6. Cách thức đăng ký mua

- Người tham gia mua tài sản khi đi mang theo căn cước công dân (nếu là cá nhân) hoặc giấy đăng ký hộ kinh doanh (nếu là hộ kinh doanh) hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nếu là tổ chức) đang còn hiệu lực.

- Phiếu đăng ký mua tài sản (theo mẫu đính kèm-Phụ lục 2).

- Mọi chi tiết xin liên hệ: Đ/c Thanh phòng Tài chính kế toán. Số điện thoại: 0912.278.487.

Thông báo này được niêm yết công khai tại Trụ sở Bệnh viện ĐKKV Bắc Quảng Trị, cổng thông tin điện tử của Bệnh viện ĐKKV Bắc Quảng Trị tại địa chỉ: <https://benhvienbacquangtri.vn> Bệnh viện ĐKKV Bắc Quảng Trị thông báo để tổ chức, cá nhân đủ điều kiện đăng ký mua phế liệu theo quy định hiện hành./.

Nơi nhận:

- Phòng TCKT;
- Tổ Quản trị mạng;
- Lưu: VT, HS.



Nguyễn Viết Thái

Phụ lục: DANH MỤC PHẾ LIỆU

(Kèm theo Thông báo số 620/TB-BV ngày 16/10/2026 của Bệnh viện ĐKKV Bắc Quảng Trị)

Đơn vị tính: Việt nam đồng

STT	Tên phế liệu	ĐVT	Khối lượng	Giá bán (Chưa VAT)
1	Tủ lạnh	Kg	20,0	243.000
2	Máy Scannet G3110	Kg	4,0	93.600
3	PC Intel NUC Kit NUC5PPYH,mouse,keyboard	Kg	4,0	93.600
4	Máy vi tính để bàn ĐNA	Kg	7,0	163.800
5	Bộ máy vi tính ĐNA	Kg	7,0	163.800
6	Bộ máy vi tính để bàn DELL VOSTRO 3650MT- G4400/2GB/500G/DVDRW/KEY+MOUSE - USA	Kg	7,0	163.800
7	Màn hình Dell 18.5	Kg	3,0	70.200
8	Máy in Canon 2014	Kg	5,0	117.000
9	Máy in Canon 2900	Kg	5,0	117.000
10	Máy in Canon 2900	Kg	5,0	117.000
11	Máy in canon 3300	Kg	7,0	163.800
12	Máy in Canon 161	Kg	7,0	163.800
13	Máy in Canon 161DN	Kg	7,0	163.800
14	Máy in Canon LBP 161DN	Kg	7,0	163.800
15	Máy in Canon LBP161DN	Kg	7,0	163.800
16	Máy in Canon LBP 161DN	Kg	7,0	163.800
17	Máy in Canon 252DW	Kg	27,0	631.800

18	Máy in Canon 252DW	Kg	9,0	210.600
19	Máy in Canon 252DW	Kg	9,0	210.600
20	Máy in Canon 223DW	Kg	18,0	421.200
21	Máy in Canon 223DW	Kg	18,0	421.200
22	Máy in Epson L1110	Kg	9,0	210.600
23	Máy chấm công RONALD JACK RJ1300	Kg	5,0	117.000
24	Máy chấm công RONALD JACK RJ1300	Kg	5,0	117.000
25	Máy chấm công RONALD JACK RJ1300	Kg	5,0	117.000
26	Máy chấm công RONALD JACK RJ1300	Kg	5,0	117.000
27	Máy chấm công RONALD JACK RJ1300	Kg	5,0	117.000
28	Quạt trần QP	Kg	5,0	60.750
29	Quạt trần QP	Kg	15,0	182.250
30	Quạt trần QP	Kg	5,0	60.750
31	Quạt trần QP	Kg	5,0	60.750
32	Quạt trần Qp	Kg	5,0	60.750
33	Quạt trần QP	Kg	5,0	60.750
34	Quạt trần QP	Kg	20,0	243.000
35	Quạt trần QP	Kg	5,0	60.750
36	Quạt đảo trần Quốc phòng	Kg	6,0	72.900
37	Quạt đảo trần Quốc phòng	Kg	15,0	182.250
38	Quạt đảo trần QP	Kg	3,0	36.450
39	Quạt treo tường	Kg	3,0	36.450

40	Quạt treo tường	Kg	9,0	109.350
41	Quạt treo tường	Kg	3,0	36.450
42	Quạt treo tường QP	Kg	6,0	72.900
43	Quạt treo tường V2D QP	Kg	15,0	182.250
44	Quạt treo tường V2D QP	Kg	12,0	145.800
45	Quạt treo tường V2D QP	Kg	3,0	36.450
46	Quạt treo tường V2D QP	Kg	6,0	72.900
47	Quạt treo tường V2D QP	Kg	3,0	36.450
48	Quạt treo tường V2D QP	Kg	18,0	218.700
49	Quạt treo tường V2D QP	Kg	12,0	145.800
50	Quạt treo tường V2D QP	Kg	6,0	72.900
51	Quạt công nghiệp 750	Kg	16,0	194.400
52	Quạt cộc Jiplai nhỏ	Kg	7,0	85.050
53	Quạt cộc Jiplai nhỏ	Kg	7,0	85.050
54	Quạt jiplai nhỏ	Kg	7,0	85.050
55	Quạt cây điện cơ 91QP-CN 450	Kg	9,0	109.350
56	Quạt cây điện cơ 91QP-CN 450	Kg	9,0	109.350
57	Quạt cây điện cơ 91 QP-CN 450	Kg	9,0	109.350
58	Quạt sưởi	Kg	10,0	121.500
59	Quạt sưởi	Kg	10,0	121.500
60	Ghế lễ tân	Kg	7,0	40.950
61	Ghế xếp Inox HP	Kg	32,0	282.240
62	Ghế xếp Inox mặt nệm HP G06	Kg	28,0	246.960
63	Ghế xếp Hòa phát	Kg	12,0	105.840

64	Ghế xếp inox mặt nệm HP G01	Kg	20,0	176.400
65	Ghế xếp Hoà Phát	Kg	24,0	211.680
66	Ghế xếp Hoà Phát	Kg	12,0	105.840
67	Ghế chờ bệnh nhân 3 chỗ ngồi MS 2007	Kg	30,0	264.600
68	Ghế BN ngồi chờ HP4C	Kg	10,0	88.200
69	Ghế BN ngồi chờ HP3C	Kg	10,0	88.200
70	Máy hàn đa năng (KOREA)	Kg	10,0	121.500
71	Máy ĐHNĐ panasonics + PK (viện phí)	Kg	7,0	163.800
72	Máy giặt Samsung WD 95T4046CE/SV	Kg	20,0	468.000
73	Máy hút bụi	Kg	30,0	364.500
74	Máy hút bụi khô và ướt CLEPRO X2/70	Kg	10,0	121.500
75	Máy huỷ bơm kim tiêm MS 2007	Kg	10,0	76.500
76	Giường Inox vạc gỗ MS 2006	Kg	180,0	1.587.600
77	Giường Inox vạc gỗ 2007	Kg	15,0	132.300
78	Giường bệnh nhân có nâng đầu	Kg	15,0	132.300
79	giá đặt Monitor 5 bánh xe, cao 1m, inox 304	Kg	10,0	88.200
80	Tủ khung nhôm kính MS 2003	Kg	20,0	176.400
81	Tủ đầu giường bệnh nhân MS 2006	Kg	21,0	47.250
82	Tủ đầu giường bệnh nhân MS 2005	Kg	7,0	15.750
83	Xe đẩy bình o xy	Kg	15,0	132.300
84	Xe đẩy đồ vải inox	Kg	15,0	132.300
85	Xe đẩy ngồi BN inox 304	Kg	10,0	88.200

86	Xe đẩy ngồi BN inox 304	Kg	10,0	88.200
87	Xe lăn BN có bánh	Kg	30,0	264.600
88	Xe lăn BN có bánh	Kg	20,0	176.400
89	Máy xông khí dung Omodon (MS 2012)	Kg	20,0	135.000
90	Máy lọc RO có đèn cực tím	Kg	15,0	101.250
91	Máy lọc nước R/o	Kg	15,0	101.250
92	Máy kính hiển vi hai mắt kính 2008	Kg	10,0	67.500
93	Bàn khám Inox	Kg	15,0	148.500
94	Bàn đón bé Inox 304	Kg	30,0	297.000
95	Bộ đo SPO2 monitor Omni	Kg	5,0	117.000
96	Bộ đo SPO2 monitor BMS	Kg	5,0	117.000
97	Bộ đo SPO2 trẻ em	Kg	10,0	234.000
98	Bộ điều áp	Kg	10,0	234.000
99	Máy đọc mã vạch Datalogic	Kg	2,0	46.800
100	Máy hút dịch trẻ em 2008	Kg	8,0	187.200
101	Máy điện châm	Kg	52,0	1.216.800
102	Bảng Inox đầu giường	Kg	11,5	101.430
103	Bộ đặt nội khí quản người lớn	Kg	1,0	2.250
104	Bộ đặt nội khí quản trẻ em	Kg	1,0	2.250
105	Bộ đo nhãn áp MS 2007	Kg	1,0	2.250

106	Bộ dụng cụ chữa răng (DAY TNT 2006)	Kg	1,0	8.820
107	Cọc truyền dịch	Kg	2,0	17.640
108	Cọc truyền dịch	Kg	2,0	17.640
109	Cân trẻ em điện tử	Kg	5,0	11.250
110	Panh cầm máu 58	Kg	0,4	3.528
111	Panh cầm máu 30	Kg	0,2	1.764
112	Panh cầm máu 58	Kg	0,2	1.764
113	Panh cầm máu	Kg	1,0	8.820
114	Kéo cong tù 18cm	Kg	0,4	3.528
115	Kéo phẫu tích	Kg	0,2	1.764
116	Giá đỡ máy mo ny tơ	Kg	15,0	132.300
117	Hộp đựng bông cotton	Kg	2,0	17.640
118	Hộp chống sốc	Kg	2,0	4.500
119	Nhiệt kế bắn trán điện tử	Kg	2,0	4.500
120	Nhiệt kế bắn trán điện tử	Kg	2,0	4.500
121	Nhiệt kế hồng ngoại đo trán	Kg	6,0	13.500
122	Nhiệt kế hồng ngoại đo trán	Kg	2,0	4.500
123	Tay khoan siêu tốc	Kg	1,0	8.820
124	Thùng đựng chất thải tái chế màu trắng 120l	Kg	8,0	18.000
125	Thùng đựng rác thải y tế loại 20 lít	Kg	2,4	5.400

126	Thùng đựng chất thải sinh hoạt màu xanh 15lit	Kg	3,2	7.200
127	Thùng rác màu xanh 20lit	Kg	1,2	2.700
128	Thùng đựng rác thải y tế loại 20lit	Kg	2,4	5.400
129	Thùng đựng rác nhựa Composite	Kg	40,0	90.000
130	Thùng đựng chất thải NH ko lây nhiễm màu đen 120l	Kg	8,0	18.000
131	Thùng rác màu vàng 20lit	Kg	3,6	8.100
132	Thùng đựng rác thải y tế chất thải có thể tái chế loại 10 lít	Kg	1,5	3.375
133	Xô đựng chất thải lây nhiễm có nắp màu vàng 20l	Kg	2,4	5.400
134	Xô đựng chất thải sinh hoạt màu vàng 15 lít	Kg	3,2	7.200
135	Xô đựng CTTT trên xe tiêm màu xanh 15lit	Kg	3,2	7.200
136	Xô đựng chất thải TT trên xe tiêm màu vàng 15l	Kg	9,6	21.600
137	Xô đựng chất thải sinh hoạt màu vàng 15 lít	Kg	0,8	1.800
138	Xô đựng chất thải sinh hoạt màu xanh 15lit	Kg	1,6	3.600
139	Đầu Jamy 3600	Kg	6,0	35.100
140	Điện thoại	Kg	0,5	2.925
141	Máy đo SPo2	Kg	4,0	30.600
142	Máy SPO2 - Trung Quốc	Kg	2,0	15.300
143	Máy SPO2 - Trung Quốc	Kg	4,0	30.600
	Tổng cộng		1.496,5	17.971.218

(Số tiền bằng chữ: Mười bảy triệu chín trăm bảy mươi một nghìn hai trăm mười tám đồng)./.